**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HIPT**

**Hà Nội, ngày 21 tháng 05 năm 2022**

**MỤC LỤC**

[Điều 1. Giải thích từ ngữ 3](#_Toc103269472)

[Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng 4](#_Toc103269473)

[Điều 3. Đại hội đồng cổ đông 4](#_Toc103269474)

[Điều 4. Hội đồng quản trị 7](#_Toc103269475)

[Điều 5. Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị 10](#_Toc103269476)

[Điều 6. Tổng giám đốc 13](#_Toc103269508)

[Điều 7. Cơ chế phối hợp giữa Hội đồng quản trị Ủy ban kiểm toán và Tổng giám đốc: 14](#_Toc103269509)

[Điều 8. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc 16](#_Toc103269510)

[Điều 9. Xử lý vi phạm và kỷ luật 16](#_Toc103269511)

[Điều 10. Hiệu lực thi hành 17](#_Toc103269512)

|  |  |
| --- | --- |
| **CÔNG TY CỔ PHẦN**  **TẬP ĐOÀN HIPT**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  Số: 01-21/QC/HĐQT/HIPT | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_  *Hà Nội, ngày 19 tháng 06 năm 2021* |

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

*Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Tập đoàn HIPT*

*Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01-21/NQ/ĐHCD/HIPT ngày 19 tháng 06 năm 2021.*

*Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Tập đoàn bao gồm các nội dung sau:*

### Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế này những từ ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
2. *“Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT”* (sau đây gọi tắt là Công ty) là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam, được tổ chức quản lý và hoạt động theo Luật doanh nghiệp;
3. “Điều lệ Công ty” là Điều lệ Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT;
4. “Quy chế này” là Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT;
5. “Đại hội đồng Cổ đông” là tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT;
6. “Hội đồng Quản trị” là Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT;
7. “Tổng Giám đốc” là Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT.
8. Luật Doanh nghiệp: là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
9. Luật Chứng khoán: là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
10. Các từ ngữ khác trong Quy chế này được giải thích, định nghĩa tại Điều lệ Công ty, các văn bản Pháp luật của Nhà nước và quy định của Công ty thì có nghĩa như trong các văn bản đó.

# Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người liên quan.

# Đại hội đồng cổ đông

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên, Đại hội đồng Cổ đông bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.

Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

1. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
2. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
3. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
4. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
5. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
6. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
7. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
8. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
9. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
10. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;
11. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị;
12. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
13. Quyết định việc ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
14. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
15. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
16. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung chính sau đây:
17. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
18. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp;
19. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;
20. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
21. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông (người có nhiệm vụ chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông; quy định về kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp);
22. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông;
23. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;
24. Điều kiện tiến hành;
25. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
26. Cách thức bỏ phiếu;
27. Cách thức kiểm phiếu;
28. Điều kiện để nghị quyết được thông qua;
29. Thông báo kết quả kiểm phiếu;
30. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp);
31. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
32. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
33. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản bao gồm các nội dung chính sau đây:
34. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản: Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
35. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định tại Điều 22 của Điều lệ Công ty.
36. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến (bao gồm trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết), trong đó lưu ý quy định rõ các nội dung sau:
37. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
38. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
39. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
40. Điều kiện tiến hành;
41. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
42. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến;
43. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến;
44. Thông báo kết quả kiểm phiếu;
45. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
46. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
47. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến (bao gồm trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết), trong đó lưu ý quy định rõ các nội dung sau:
48. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;
49. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;
50. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông;
51. Điều kiện tiến hành;
52. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
53. Cách thức bỏ phiếu;
54. Cách thức kiểm phiếu;
55. Thông báo kết quả kiểm phiếu;
56. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
57. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

# Hội đồng quản trị

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị được quy định như sau:

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị:

1. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
2. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
3. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
4. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

1. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
2. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
3. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
4. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
5. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
6. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
7. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
8. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
9. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
10. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
11. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
12. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
13. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:
14. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị:

* Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người.
* Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
* Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị

1. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

* Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
* Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
* Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
* Không được là Người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty;
* Các tiêu chuẩn khác theo quy định của Pháp luật.

1. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị: Thực hiện theo Điều 25 Điều lệ Công ty.
2. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị: Thực hiện theo cách thức bầu dồn phiếu theo quy định tại khoản 3 Điều 148 luật Doanh nghiệp và nguyên tắc như sau:

* Trường hợp có những ứng cử viên đạt được tỷ lệ phiếu bầu ngang nhau thì sẽ thực hiện bầu lại giữa những ứng viên đó.

1. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

* Đại hội đồng Cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định tại điều 160 Luật Doanh nghiệp. Thành viên Hội đồng Quản trị không còn là thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 4 Điều 26 Điều lệ Công ty.
* Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại khoản này, thành viên Hội đồng quản trị vẫn chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

1. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Công ty thực hiện công bố thông tin theo quy định của Luật Chứng khoán

1. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

* Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị: Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong số các thành viên của Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp của Hội đồng quản trị. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì bầu chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp mà có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
* Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

1. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp 2020;
2. Có đơn từ chức tới Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng cổ đông;
3. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

* Việc bãi nhiệm cũng như bầu, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị được thực hiện khi có nghị quyết của Hội đồng quản trị. Nếu Điều lệ công ty không có quy định khác thì quyết định này sẽ được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

1. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị: Theo quy định tại Điều 28 của Điều lệ Công ty
2. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 30 Điều lệ Công ty
3. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có) được thực hiện theo quy định tại Điều 31 của Điều lệ Công ty.

1. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty bao gồm các nội dung chính sau đây:
2. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
3. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

* Có hiểu biết về pháp luật;
* Không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
* Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng Quản trị.

1. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

* Tư vấn Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
* Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng Cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị;
* Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
* Tham dự các cuộc họp;
* Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
* Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng Quản trị;
* Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
* Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
* Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
* Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty và các văn bản quản lý nội bộ của Công ty.

1. Việc thông báo về bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách về quản trị Công ty được thực hiện theo các quy định của Pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán trong trường hợp Công ty trở thành công ty đại chúng.

# Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị

1. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán

Ủy ban kiểm toán có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Giám sát tính trung thực của báo cáo tài chính của công ty và công bố chính thức liên quan đến kết quả tài chính của công ty;

b) Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro;

c) Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;

d) Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty;

đ) Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán để Hội đồng quản trị thông qua trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt;

e) Theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán, đặc biệt trong trường hợp công ty có sử dụng các dịch vụ phi kiểm toán của bên kiểm toán;

g) Giám sát nhằm bảo đảm công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của công ty;

h) Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc (Giám đốc), Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán;

i) Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán;

k) Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết;

l) Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của công ty;

m) Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty

1. Số lượng, nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và cơ cấu của Ủy ban kiểm toán
2. Ủy ban kiểm toán có 3 thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Ủy Ban kiểm toán là 05 năm.
3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán là phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị.Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.
4. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

- Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó

Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành

1. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán

Thành viên và chủ tịch Ủy ban kiểm toán do các thành viên Hội đồng quản trị tự ứng cử và đề cử. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm tại cuộc họp Hội đồng quản trị bằng cách biểu quyết.

1. Cu**ộc họp của Ủy ban kiểm toán**
2. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp;
3. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Trừ trường có quy định tỷ lệ khác cao hơn, quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.
4. Hoạt động của Ủy ban kiểm toán

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
2. Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán;
3. Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của công ty;
4. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người Điều hành hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
5. Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của công ty;
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) và người điều hành khác của doanh nghiệp;
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) và các cổ đông.

# Tổng giám đốc

1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc:

Tổng giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty, điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
2. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;  
   Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
3. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
4. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
5. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
6. Tuyển dụng lao động;
7. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
8. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị.
9. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc
10. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc:

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Tổng giảm đốc phải có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế quản trị kinh doanh trong ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.

Trung thực, mẫn cán và có uy tín.

1. Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc:

Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Đại diện của Hội đồng quản trị, có ủy nhiệm bằng văn bản, ký kết hợp đồng lao động với Tổng giám đốc nếu quy định pháp luật có yêu cầu về việc ký kết hợp đồng.

1. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc: Việc thông báo được thực hiện theo quy định của Luật Chứng khoán
2. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc.

Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

Tiền lương của Tổng Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

# Cơ chế phối hợp giữa Hội đồng quản trị Ủy ban kiểm toán và Tổng giám đốc:

1. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động của Hội đồng quản trị
2. Đối với Ủy Ban kiểm toán

* Nhận và xem xét các báo cáo và các kiến nghị của Ủy Ban kiểm toán trong quyền hạn để có những điều chỉnh và quyết định kịp thời về các hoạt động của công ty, của Tổng Giám đốc và người quản lý công ty;
* Giám sát các hoạt động của Ủy ban kiểm toán và có sự hỗ trợ kịp thời khi cần thiết

1. Đối với Tổng giám đốc

* Đối với công tác tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Hội đồng quản trị thông báo trước cho Tổng Giám đốc để thống nhất các nội dung, báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông;
* Đối với các nội dung Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị xem xét, quyết nghị theo thẩm quyền và ban hành nghị quyết để Tổng Giám đốc triển khai thực hiện;
* Trong trường hợp cấp thiết để triển khai nhiệm vụ của mình, các thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc và các cá nhân, cơ quan, đơn vị thuộc Công ty cung cấp các thông tin liên quan;
* Trong trường hợp cuộc họp của Hội đồng quản trị có mời Tổng Giám đốc và và các cá nhân, cơ quan, đơn vị thuộc Công ty thì Hội đồng quản trị gửi thông báo mời họp, nội dung họp để việc tham gia họp được hiệu quả;
* Hội đồng quản trị có thể định chỉ hoặc hủy bỏ việc thi hành các quyết định của Tổng giảm đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, nghị quyết và các quyết định của Hội đồng quản trị.
* Các nội dung khác có liên quan: thực hiện theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị và Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị.

1. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động của Ủy ban kiểm toán
2. Đối với Hội đồng quản trị

* Lập và gửi các báo cáo, kiến nghị, đề xuất lên Hội đồng quản trị về các vấn đề trong nhiệm vụ quyền hạn của mình;
* Gửi các Biên bản cuộc họp của Ủy ban kiểm toán cho Hội đồng quản trị

1. Đối với Tổng giám đốc

* Thành viên Ủy ban kiểm toán có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty;
* Đối với hoạt động của Ban Tổng giám đốc, căn cứ vào các báo cáo hoạt động thường kỳ và những yêu cầu cung cấp thông tin, Ủy ban kiểm toán có quyền đề nghị Hội đồng quản trị xem xét lại các quyết định của Tổng Giám đốc
* Các nội dung khác có liên quan: thực hiện theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát và quy chế làm việc của Ban kiểm soát.

1. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động của Tổng giám đốc
2. Đối với Hội đồng quản trị

* Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm nghiên cứu xây dựng các phương án hoạt động để trình Hội đồng quản trị; tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Khi phát hiện những vấn đề bất lợi cho Công ty, Tổng giảm đốc báo cáo với Hội đồng quản trị để có quyết định điều chỉnh. Nếu Hội đồng quản trị không điều chỉnh thì Tổng giảm đốc phải thực hiện theo nghị quyết của Hội đồng quản trị nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị trước Đại hội cổ đông gần nhất.
* Tổng giám đốc được quyền từ chối thi hành và bảo lưu ý kiến đối với các quyết định của Hội đồng quản trị nếu thấy hành động là trái luật, quy định của Nhà nước và báo cáo giải trình ngay với Hội đồng quản trị bằng văn bản.
* Tổng giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố bất ngờ…) nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó; đồng thời phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông trong thời gian sớm nhất.
* Tổng giảm đốc phải báo cáo trong các cuộc họp Hội đồng quản trị về các vấn đề sau: Các vấn đề ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động của Công ty, ảnh hưởng tới cổ đông và thị trường; cơ cấu tổ chức Công ty, các hệ thống hiện có nhằm phát triển đội ngũ lãnh đạo cấp cao của Công ty và hiệu quả của chúng.
* Tổng giám đốc phải giải trình về sự thua lỗ hoặc kém hiệu quả trong hoạt động của từng thời kỳ và kế hoạch khắc phục trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp thua lỗ liên tục và không xây dựng được phương án tích cực thì Hội đồng quản trị sẽ bãi nhiệm Tổng giám đốc.

1. Đối với Ủy ban kiểm toán

* Tổng Giám đốc cung cấp và đảm bảo Ủy ban kiểm toán tiếp cận đầy đủ hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty;
* Trong các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán, Ủy ban kiểm toán có thể mời Tổng Giám đốc tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;
* Tổng Giám đốc chỉ đạo các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ khác thực hiện các yêu cầu của của Ủy ban kiểm toántheo quy định;
* Các nội dung khác có liên quan: thực hiện theo quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng Giám đốc và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

# Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc

1. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý.
2. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.
3. Tổng giám đốc chủ trì công tác đánh giá các cán bộ quản lý từ Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng, các Trưởng, Phó phòng ban, Giám đốc… các bộ phận trong Công ty trên cơ sở căn cứ vào quy chế thi đua khen thưởng của Công ty và kết quả hoạt động hàng năm của từng bộ phận và của toàn Công ty.
4. Quy trình khen thưởng
5. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Tổng giám đốc tổng hợp, trình Hội đồng quản trị đề xuất mức khen thưởng đối với các cá nhân và tập thể.
6. Chế độ tiền thưởng: Bằng tiền hoặc bằng cổ phiếu.
7. Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ thưởng của Công ty và nguồn hợp pháp khác từ lợi nhuận Công ty.
8. Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm.

# Xử lý vi phạm và kỷ luật

1. Hàng năm, Công ty căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động để xác định mức độ kỷ luật, hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giảm đốc và cán bộ quản lý không hoàn thành nhiệm vụ sẽ phải chịu trách nhiệm đối với kết quả và thiệt hại do mình gây ra.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khi thực hiện nhiệm vụ có hành vi vi phạm pháp luật và quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm, sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, hoặc truy cứu theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác thì phải bồi thường theo quy định pháp luật.

# Hiệu lực thi hành

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Tập đoàn HIPT bao gồm 10 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày … tháng … năm 2022.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |